

BÁO CÁO

Tình hình Phật giáo Nam tông Khmer và các chính sách đối với Phật giáo Nam tông Khmer và đồng bào dân tộc Khmer tỉnh Sóc Trăng

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG:

Sóc Trăng có diện tích tự nhiên 3.311,6 km² với 72 km bờ biển. Dân số 1.304.965 người; trong đó, dân tộc Kinh 838.288 người chiếm 64,24%, dân tộc thiểu số chiếm 35,76% (gồm 20 dân tộc thiểu số, với 466.677 người, chủ yếu là dân tộc Khmer chiếm 30,71%, Hoa chiếm 5,02% và dân tộc khác chiếm 0,03%). Toàn tỉnh có 09 huyện, 01 thị xã và 01 thành phố với 109 xã, phường, thị trấn; trong đó, có 39 xã đặc biệt khó khăn và 33 xã khu vực II với 98 ấp đặc biệt khó khăn; 85 xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg, ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Nhìn chung những năm qua, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục phát triển. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2006 - 2010 là 11,38%; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 24,73% năm 2006 xuống còn 8,26% năm 2010 (theo tiêu chí năm 2005) và còn 20,1% năm 2012 (theo tiêu chí năm 2010).

Sóc Trăng là tỉnh có nhiều tôn giáo như: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao đài, Hoà hảo, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, Tứ ân Hiếu Nghĩa, Bửu sơn Kỳ Hương, Ba H'a'i được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân, có 632.364 tín đồ chiếm 48,54% tổng số dân toàn tỉnh, trong đó có 514 chức sắc, 2.356 nhà tu hành, 4.287 chức việc; có 735 cơ sở thờ tự tín ngưỡng tôn giáo (328 cơ sở thờ tự tôn giáo, 407 cơ sở tín ngưỡng). Ngoài ra còn một số tôn giáo lạ như: Vô Vi pháp, Thánh hải Vô thượng sư, Đạo tâm, Nhân điện và các hệ phái Tin lành khác đã và đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung chức sắc, nhà tu hành, chức việc và tín đồ các tôn giáo trong tỉnh tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý Nhà nước đối với tôn giáo trong thời kỳ đổi mới, thể hiện lòng yêu nước, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc phấn đấu vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Tuy nhiên, tình hình hoạt động ở một số nơi còn phức tạp, một số ít chức sắc có những hoạt động trái phép: tự ý xây dựng, sửa chữa nơi thờ tự không xin phép, mở rộng địa bàn hoạt động, đi vào vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc Khmer để truyền đạo, tăng cường công tác từ thiện xã hội không thông qua chính quyền địa phương nhằm gây thanh thế với mục đích lôi kéo và phát triển tín đồ.

II. THỰC TRẠNG PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER:

Trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Phật giáo Nam tông Khmer có 130 cơ sở thờ tự, trong đó có 92 ngôi chùa và 38 Salatel với 88 chức sắc (14 Hòa thượng, 14 Thượng tọa, 60 Đại đức), 1.834 vị sư sãi, 1.326 thành viên Ban quản trị và 395.943 tín đồ phật tử. Đặc biệt, các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh đều có cơ

sở thờ tự Phật giáo Nam tông Khmer. So với tôn giáo khác trong tỉnh, thì Phật giáo Nam tông Khmer chiếm tỉ lệ nhiều hơn cả về cơ sở thờ tự, các vị chức sắc, nhà tu hành, chức việc và tín đồ phật tử.

Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước là một tổ chức xã hội của giới sư sãi Phật giáo Nam tông Khmer do Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền nam Việt Nam thành lập trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước (năm 1963), đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Mặt trận dân tộc giải phóng Miền nam Việt Nam và Ban Khmer vận khu Tây Nam bộ. Tổ chức này nhằm tập hợp phật tử và sư sãi các chùa Phật giáo Nam tông Khmer đi vào phong trào cách mạng. Hội duy trì hoạt động cho đến ngày giải phóng Miền Nam 30/4/1975, sau đó, khi Ban Khmer vận Khu Tây Nam bộ giải thể thì Hội Đoàn kết Sư sãi cấp khu cũng giải thể, đối với Hội Đoàn kết Sư sãi ở một số tỉnh vẫn tiếp tục hoạt động, trong đó có tỉnh Sóc Trăng. Sau khi có Chỉ thị số 68-CT/TW ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác đối với đồng bào dân tộc Khmer; Hội Đoàn kết Sư sãi tỉnh Sóc Trăng được củng cố và nâng chất lượng hoạt động.

Đối với tỉnh Sóc Trăng, được sự quan tâm tạo điều kiện của cấp ủy Đảng, Chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể, Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước tỉnh vẫn luôn duy trì hoạt động, đến nay đã trải qua 07 kỳ Đại hội. Trong Đại hội lần thứ VII nhiệm kỳ 2012 - 2017 đã suy cử 37 vị trong Ban Chấp hành, 07 Ủy viên dự khuyết và 04 vị Cố vấn; đồng thời, trong nhiệm kỳ mới này, Hội đã tổ chức được các Tiểu ban phụ trách từng lĩnh vực theo yêu cầu công tác Phật sự của Hội như: Tiểu ban Hoàng pháp, Tiểu ban Tăng sự, Tiểu ban Văn hóa - Nghi lễ, Tiểu ban Từ thiện - Xã hội, Tiểu ban Kiểm soát, Tiểu ban Tài chính và bộ phận Văn phòng (từ trước đến nay không tổ chức được). Có 09/11 huyện, thị xã, thành phố thành lập Chi Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước, tổng số 78 thành viên, trừ huyện Ngã Năm và Cù Lao Dung không thành lập, do mỗi huyện chỉ có 01 ngôi chùa, nên 02 địa phương này đã suy cử tham gia vào thành viên của Ban Chấp hành Chi hội huyện Thạnh Trị và Long Phú.

Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước sinh hoạt trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam, thành viên Ban Chấp hành hội đa số là Ủy viên Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, nhất là một số vị cao tăng đều có chức trách trong Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Ban Trị sự Tỉnh hội; Hội có Điều lệ, Nội quy và Quy chế làm việc riêng, Điều lệ và Quy chế làm việc đều có sửa đổi, bổ sung thông qua các kỳ Đại hội cho phù hợp với tình hình thực tế.

III. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TẠO ĐIỀU KIỆN CHO PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER HOẠT ĐỘNG ĐÚNG HIẾN CHƯƠNG GIÁO HỘI VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC:

1. Về công tác tuyên truyền giáo dục:

UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ phối hợp cùng các ngành chức năng và các huyện, thị xã, thành phố tổ chức nhiều đợt tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tôn giáo, dân tộc cho các vị Trụ trì, Phó Trụ trì và các thành viên Ban quản trị chùa, kết quả có 98% các vị sư và trên 90% các thành viên Ban quản trị chùa tham gia học tập, nội dung gồm: Nghị quyết Trung ương 7 phần 2 (Tôn giáo - Dân tộc - Đại đoàn kết, Đất đai); tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn

kết, tôn giáo và dân tộc; Nghị quyết Trung ương; Nghị quyết tỉnh Đảng bộ Sóc Trăng; Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo; Nghị định 22 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo (nay là Nghị định 92); kiến thức Quốc phòng - An ninh.

Từ năm 2008 đến năm 2013, Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ đã trực tiếp tổ chức 11 cuộc tuyên truyền tại các địa bàn trong tỉnh Sóc Trăng với 06 nội dung chuyên đề: vị thế Việt Nam trên trường quốc tế; chính sách tôn giáo, dân tộc của Đảng và Nhà nước; tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa; âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch chống Đảng và Nhà nước ta; trách nhiệm của sư sãi, Ban quản trị chùa, cán bộ đồng bào khmer đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam và 02 cuộc tuyên truyền về nội dung quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ; truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc Kinh - Khmer - Hoa, trong xây dựng, bảo vệ và phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long, tổng cộng có 4.150 vị sư sãi, cán bộ Khmer dự.

Thông qua các vị chức sắc, trụ trì các chùa các nội dung cơ bản đã được truyền tải đến các vị sư sãi trong chùa và tín đồ Phật tử đến sinh hoạt tôn giáo. Từ đó, công tác Phật sự đã đi vào nề nếp, tín đồ an tâm lao động sản xuất và sinh hoạt tôn giáo thuần túy, đúng pháp luật.

2. Về xây dựng sửa chữa cơ sở thờ tự:

Những năm qua, Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép khôi phục lại 03 cơ sở thờ tự (01 chùa bị chiến tranh tàn phá ở Trinh Phú, 02 Salatel ở xã Đại Hải và Phú Mỹ), thành lập mới 02 chùa (chùa Bà Kẹo và chùa Nam Chánh), xây dựng lại 65/92 chánh điện, trong đó có 47 chùa đã tổ chức lễ Kiết giới (Sây ma), trong đó riêng năm 2004 cho phép xây dựng 11 chánh điện. Ngoài ra, tỉnh cũng cho phép xây dựng nhiều hạng mục khác trong các cơ sở thờ tự như: sa la, tăng xá, phòng học, cổng chùa, hàng rào,... đồng thời, để đáp ứng nhu cầu theo phong tục của dân tộc trong việc hỏa táng đảm bảo vệ sinh môi trường, thời gian qua Nhà nước đã đầu tư xây dựng lò hỏa táng rải tiến tại các chùa, đến nay tất cả 92 chùa đều có là hỏa táng.

3. Tổ chức lễ hội:

Phật giáo Nam tông Khmer và dân tộc Khmer có một số lễ hội lớn như: Chôl Chnăm Thmây, Đôl Ta, Oóc Om Bóc-đưa ghe Ngo, lễ Dâng y (Kathina), làm phước. Hàng năm, các lễ hội được tổ chức đúng quy định pháp luật, nội dung, chương trình của lễ hội được thực hiện đúng theo lễ nghi tôn giáo, phong tục tập quán của Phật giáo Nam tông Khmer và đồng bào dân tộc Khmer.

4. Về vấn đề bổ nhiệm trụ trì:

Từ năm 2004 đến nay việc bổ nhiệm trụ trì của các chùa Phật giáo Nam tông Khmer đã được thực hiện đúng theo quy định, hướng dẫn của Giáo hội Phật giáo Việt Nam; đã bổ nhiệm được 49 trụ trì và đang lập thủ tục bổ nhiệm lại 30 vị, một số chùa còn khuyết trụ trì, Hội tạm thời phân công 01 tăng trưởng điều hành.

5. Về việc tu học của sư sãi:

Tạo điều kiện cử 10 vị tu học tại Học viện Phật giáo Nam tông Khmer Cần Thơ, 02 vị học tại Thái Lan, 03 vị học tại Myanmar. Ngoài ra còn có 34 vị đi nước ngoài học không phép (33 người ở Campuchia, 01 ở Úc).

6. Về quản lý hộ khẩu sư sãi trong chùa:

UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ phối hợp Công an tỉnh tạo điều kiện về việc chùa đăng ký lập sổ hộ khẩu tập thể như hộ gia đình. Tuy nhiên, việc chuyển hộ khẩu cá nhân tại gia đình về chùa để quản lý tập thể chưa được các vị sư sãi thực hiện một cách đầy đủ, do nhiều vị sư hoàn tục sớm. Mặt khác, các vị trụ trì chùa ít quan tâm đến công việc này, ngành chuyên môn cũng chưa nhắc nhở.

7. Thực hiện 07 nội dung giải pháp theo sự chỉ đạo của Ban Tôn Giáo Chính phủ:

Thời gian qua Ban Tôn Giáo tỉnh đã tập trung triển khai thực hiện 07 nội dung theo sự chỉ đạo Ban Tôn Giáo Chính Phủ liên quan đến một số vấn đề đối với hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Qua thực hiện đạt kết quả cụ thể sau:

7.1. Về tên gọi:

Để có sự thống nhất chung, Ban Tôn giáo tỉnh đã triển khai trong các ngành liên quan. Các vị chức sắc, sư sãi, tín đồ phật tử đã thống nhất tên gọi “Hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer” là một trong các hệ phái nằm trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

7.2. Trường lớp đào tạo - tu học:

Tỉnh Sóc Trăng có 01 trường Bồ tát văn hoá PaLi Trung cấp Nam bộ chiêu sinh khu vực đồng bằng sông Cửu long với số lượng 50 người/năm, từ năm 1994 đến 2013 được 20 khoá, có 573 vị tăng sinh theo học và đã ra trường, hiện có 157 vị tăng sinh đang tu học, có 10 vị đang theo học tại Học viện Phật giáo Nam tông Khmer Cần Thơ, 03 vị học tại Myanmar, 02 vị học tại Thái Lan. Ngoài ra, hàng năm một số chùa có tổ chức các lớp sơ cấp cho tăng sinh học, trong đó có lớp Pa Li - Vi ni và các lớp dạy chữ Khmer cho học sinh học vào dịp hè.

7.3. Xuất bản kinh sách:

Ban Tôn Giáo tỉnh đã nhiều lần làm việc với Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước tỉnh Sóc Trăng về vấn đề in kinh sách, đến nay đã chọn được 36 đầu sách đề nghị Giáo hội và Ban Tôn giáo Chính Phủ hỗ trợ kinh phí in. Ngày 10/4/2005 Hội Đoàn kết Sư sãi tỉnh đã nhận 03 loại kinh sách có 2.418 quyển gồm Luật Sa di, Tiểu sử Phật Thích Ca và Luật Tỳ kheo do Ban Tôn giáo Chính phủ in tặng cho các chùa Nam tông Khmer Nam Bộ, trong đó có 92 chùa trong tỉnh Sóc Trăng. Những năm gần đây Ban Tôn giáo Chính Phủ in hỗ trợ 23 đầu sách với 39.000 quyển cho sư sãi và bà con phật tử các chùa tu học, tháng 7/2009 Ban Tôn giáo Chính phủ đã hỗ trợ 43.600 quyển với 21 loại kinh sách cho 92 chùa gồm: Kinh Pháp cú, Kinh Nhật tụng, Giới luật, Luật Sa di, Luật Cư sĩ,... các loại kinh đó được trích ra trong bộ Đại Tạng kinh và đã đáp ứng được nhu cầu cho các trường sơ cấp Pa li - Vi ni tại các điểm chùa trong tỉnh.

Ngoài ra, từ năm 2004 đến nay UBND tỉnh đã cho phép một số chùa Nam tông Khmer (60 chùa) sang Campuchia mua bộ Đại tạng kinh (mỗi bộ 110 quyển), 02 bộ Athakatha kinh, 01 bộ Kinh Pháp cú, 04 bộ trống Sa dăm, 14 bộ Ngũ âm, 08 tượng phật, 04 bộ bàn ghế thuyết pháp, 02 bộ áo, sa rong và khăn. Tuy nhiên, việc đi lại Campuchia trái phép vẫn còn diễn ra, từ năm 2003 đến nay có 2.267 người

qua lại Campuchia và có 192 người Campuchia nhập cảnh trái phép; năm 2005 đến nay cấp 1.023 giấy thông hành sang Campuchia, riêng năm 2008 có 770 trường hợp đi lại (505 trường hợp được cấp giấy thông hành, 265 đi trái phép), có 543 quay lại trong đó có 42 sư.

7.4. Xem xét khen thưởng cho sư sãi có tham gia trong 02 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ:

Ban Tôn Giáo tỉnh đã tổ chức khảo sát thống kê cơ sở thờ tự và sư sãi có công trong 02 cuộc kháng chiến (theo 4 biểu mẫu của Ban Tôn giáo Chính Phủ) đến nay được 81/92 chùa (đạt 88 %). Qua tổng hợp số liệu ban đầu cho thấy có 24 vị sư sãi có công trong kháng chiến qua các thời kỳ, đã được Nhà nước phong tặng 13 Huân chương kháng chiến các hạng và 35 cơ sở có công.

7.5. Vấn đề chùa di tích:

UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ kết hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh tổ chức triển khai Luật di sản văn hoá và thống kê hiện vật, di vật, cổ vật cho 92 chùa Phật giáo Nam tông Khmer và 88 chùa Phật giáo Bắc tông, thống kê các cơ sở thờ tự Phật giáo trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Kết quả đối với chùa Phật giáo Nam tông Khmer có 20 chùa được hình thành trên 400 năm, 12 chùa trên 300 năm, 15 chùa trên 200 năm, 30 chùa trên 100 năm và 15 chùa dưới 100 năm. Đến nay, có 02 chùa được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công nhận di tích lịch sử văn hoá cấp Quốc gia (chùa Khléang, chùa Ma Ha Túp) và 05 chùa được công nhận di tích lịch sử văn hoá cấp tỉnh như (chùa Chrôi Tum Chấs, chùa Cro Săng, chùa Prêk Chêk, chùa Tâm Vu, chùa Sà Lôn), những năm qua Nhà nước đã đầu tư tu bổ, chống xuống cấp 02 di tích cấp Quốc gia như: di tích chùa Khléang với kinh phí 100 triệu đồng; khôi phục chánh điện chùa Ma Ha Túp và đầu tư nâng cấp công trình phụ với tổng kinh phí 04 tỉ đồng.

7.6. Cho phép chùa Phật giáo Nam Tông khmer khắc con dấu:

Thực hiện theo công văn số 628/TGCP-V2 ngày 07/9/2004 của Ban Tôn giáo Chính phủ về việc khắc con dấu chùa Phật giáo Nam tông Khmer, Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí khắc con dấu cho 92 chùa trong tỉnh.

7.7. Về cấp chứng nhận cho Phật giáo Nam tông Khmer:

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nội vụ tỉnh phối hợp với Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo và Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước tỉnh tổ chức cho sư sãi làm lý lịch theo mẫu thống nhất của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, về phía Ban Tôn giáo đang tiến hành lập danh sách trích ngang của các Hoà thượng, Thượng toạ, Đại đức, Tỳ kheo, Sa di theo hướng dẫn của Ban Tôn giáo Chính Phủ.

8. Về chính sách hỗ trợ:

- Năm 2008 - 2013, Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước tỉnh là 50 triệu đồng/năm. Hỗ trợ kinh phí cho chùa Cro Săng xây dựng chánh điện là 200 triệu đồng, cấp hỗ trợ sinh hoạt quý cho 18 vị chức sắc của Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước; năm 2013, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp cho Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước 01 xe ô tô (04 chỗ), bố trí trụ sở làm

việc và hỗ trợ hơn 100 triệu đồng sửa chữa và trang bị phương tiện làm việc cho Văn phòng Hội.

- Thông qua dự án do Trung ương đầu tư đến nay đã có 92 chùa và một số Salatel có lò hỏa táng (lò cải tiến). Bên cạnh đó cũng quan tâm sửa chữa các lò hỏa táng hư hỏng, xuống cấp đảm bảo chất lượng để sử dụng được lâu dài, ngoài ra Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ Khoa học và Công nghệ Sóc Trăng phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh thực hiện dự án trang bị máy tính nối mạng Internet, các thiết bị in ấn và tập huấn kỹ năng khai thác, viết tin, bài cộng tác,... cho 22 điểm chùa tại các huyện, thị xã, thành phố. Tính đến nay, đã có 18/22 điểm chùa trong dự án được cung cấp thiết bị.

IV. VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC:

1. Kết quả thực hiện các chính sách đối với đồng bào Khmer trên địa bàn tỉnh:

Các năm qua, tỉnh đã tập trung triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào Khmer, nhất là về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và các chương trình 134, 135, chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, chuyển đổi ngành nghề, cho vay vốn phát triển sản xuất, chính sách trợ giá, trợ cước và các chương trình, dự án khác của Chính phủ, cụ thể như sau:

1.1. Chương trình 135 giai đoạn II (2006 - 2010) tổng vốn đầu tư 348.726 triệu đồng (trong đó ngân sách Trung ương là 334.683 triệu đồng, ngân sách địa phương 3.563 triệu đồng, vốn huy động 480 triệu đồng), kết quả thực hiện:

- Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất: kinh phí là 45.840 triệu đồng, có 15.070 hộ nghèo được thụ hưởng, chiếm 50,08% tổng số hộ nghèo trên địa bàn xã, áp đặc biệt khó khăn; mở 484 lớp tập huấn khuyến nông, khuyến ngư,.. có 18.152 lượt người dự (trong đó nữ 5.232, chiếm 51,67% và người dân tộc thiểu số là 9.379 người, chiếm 51,67%); hỗ trợ 94.221 kg giống cây trồng các loại (lúa, hành tím...), 453.800 chai meo nấm, 28.145 giống cây ăn trái, 76.498 con giống gia súc, gia cầm và hỗ trợ 107 máy bơm nước, 441 máy phun thuốc bảo vệ thực vật, 06 máy cày, 33 máy gặt đập liên hợp, 03 máy dụng cụ xạ hàng, 115 chiếc xuống, 33 máy se nhang,.. đã góp phần tích cực vào công tác xóa đói giảm nghèo của địa phương.

- Dự án cơ sở hạ tầng với kinh phí là 231.455 triệu đồng đã xây dựng mới 500 km đường giao thông nông thôn, 51 công trình cầu, cống, 30 kênh mương thủy lợi và 2,8 km lưới điện hạ thế; cải tạo, sửa chữa 4 công trình trường học, nâng cấp và làm mới 05 công trình trạm y tế, 14 công trình chợ và 78 nhà sinh hoạt cộng đồng tại thôn ấp.

- Các công trình 135 được thực hiện đều phù hợp với quy hoạch, đáp ứng nguyện vọng của người dân, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng, các công trình đưa vào sử dụng đều được bàn giao cho đơn vị thụ hưởng để khai thác duy tu bảo dưỡng công trình, do đó kéo dài được thời gian sử dụng.

- Dự án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực: vốn thực hiện là 13.870 triệu đồng, đã mở được 29 lớp, đào tạo 9.109 lượt cán bộ xã, ấp (trong đó nữ 2.136

người, chiếm 23,45%); đào tạo cho cộng đồng được 691 lớp, với 18.014 lượt người tham gia và mở 49 lớp đào tạo nghề cho thanh niên dân tộc, với 1.108 lượt người tham gia. Qua 05 năm triển khai thực hiện Dự án đào tạo đã góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ xã về công tác quản lý các dự án đầu tư, đồng thời nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc lập kế hoạch có sự tham gia quản lý Chương trình. Một bộ phận hộ nghèo được tiếp cận với mô hình giảm nghèo hiệu quả, các thanh niên dân tộc thiểu số được học nghề để chuyển đổi ngành nghề.

- Chính sách hỗ trợ, cải thiện các dịch vụ, nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật.

- Chính sách hỗ trợ học sinh con hộ nghèo góp phần tăng tỷ lệ học sinh đến trường, giảm thiểu tình trạng bỏ học do gia đình khó khăn, hộ nghèo với tổng số học sinh được hỗ trợ trong 3 năm (từ 2007 đến 2010) là 29.731 học sinh (trong đó có 10.310 học sinh mẫu giáo, 14.278 học sinh tiểu học, 3.942 học sinh trung học cơ sở, 1.201 học sinh trung học phổ thông), kinh phí thực hiện là 30.967 triệu đồng; về hỗ trợ cải thiện vệ sinh môi trường, tổng kinh phí là 29.591 triệu đồng, đã hỗ trợ đầu tư di dời chuồng trại và làm nhà vệ sinh cho 29.591 hộ nghèo; hỗ trợ hoạt động văn hóa và hỗ trợ pháp lý đối với xã, áp đặc biệt khó khăn với số vốn được giao mỗi chương trình 2 triệu đồng/năm/xã và 500.000 đồng/năm/ấp, đã thực hiện 100% kế hoạch.

- Năm 2011 và 2012, tỉnh được Trung ương đầu tư với tổng mức vốn kế hoạch là 85.997 triệu đồng, gồm: Dự án cơ sở hạ tầng là 62.736 triệu đồng; Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất là 15.800 triệu đồng; Dự án hỗ trợ đào tạo là 3.580 triệu đồng, giá trị thực hiện dự án 3.057 triệu đồng; Dự án duy tu bảo dưỡng 3.490 triệu đồng. Năm 2013, trung ương phân bổ là 60.230 triệu đồng để thực hiện Dự án đầu tư hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cho 39 xã khu vực III và 98 ấp đặc biệt khó khăn thuộc 33 xã khu vực II.

- Chương trình 135 giai đoạn II tiếp tục khẳng định chính sách ưu việt của Đảng và Nhà nước ta đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc sinh sống, giúp cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cộng đồng dân cư các xã, ấp đặc biệt khó khăn, góp phần đẩy nhanh công tác xóa đói giảm nghèo trong vùng có đông đồng bào dân tộc.

1.2. Quyết định 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 và Quyết định 1592/QĐ-TTg ngày 12/10/2009, tổng kinh phí thực hiện là 252.308 triệu đồng, trong đó vốn Trung ương là 248.180 triệu đồng chiếm 98,36%, vốn ngân sách địa phương là 4.128 triệu đồng chiếm 1,64%, gồm các mục tiêu sau:

- Về nhà ở: kinh phí 206.728 triệu đồng, chiếm 81,93% tổng vốn đầu tư; xây dựng được 33.154 căn nhà 134 (bình quân 6 đến 7,2 triệu đồng/căn).

- Về nước sinh hoạt phân tán: kinh phí 8.658 triệu đồng, chiếm 3,43% tổng vốn đầu tư, với 21.549 hộ thụ hưởng. Qua 4 năm đã đầu tư 7.710 lu nước và 1.429 cây nước và lắp đồng hồ nước cho 6.494 hộ Khmer nghèo.

- Về công trình cấp nước tập trung: kinh phí 36.922 triệu đồng, chiếm 14,63% tổng vốn đầu tư, đã triển khai 50 công trình cấp nước tập trung.

- Tỉnh đang triển khai đề án cung cấp nước sinh hoạt cho đồng bào Khmer nghèo theo Quyết định 1592/2009/QĐ-TTg. Năm 2011 - 2012, tỉnh Sóc Trăng được Trung ương phân bổ 18 tỷ đồng, đã thực hiện 15 công trình nâng cấp và mở rộng mạng cấp nước, hỗ trợ nước phân tán cho 1.000 hộ thuộc địa bàn 9 huyện trên địa bàn tỉnh.

- Năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 755/QĐ-TTg về cấp nước sinh hoạt cho đồng bào Khmer nghèo thay thế Quyết định 1592/2009/QĐ-TTg, tỉnh đã rà soát tổng nhu cầu hỗ trợ về nước sinh hoạt giai đoạn 2013 - 2015 là 49.351 hộ, kinh phí thực hiện là 200.933,2 triệu đồng và đang xây dựng Đề án thực hiện.

1.3. Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2006 - 2010: nguồn vốn thực hiện là 225.920 triệu đồng, trong đó quốc tế tài trợ 35.317 triệu đồng (chiếm 15,6%), nguồn vốn tín dụng ưu đãi là 30.000 triệu đồng (chiếm 13,3%), nguồn vốn người dân đóng góp 67.274 triệu đồng (chiếm 29,8%). Qua 5 năm thực hiện, đến nay tỷ lệ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh khu vực thành thị là 88%, khu vực nông thôn đạt 85%. Kết quả, có 62.758 hộ Khmer được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (đạt 68,21%), 17.779 hộ Khmer được sử dụng hố xí hợp vệ sinh (chiếm 19,32% so với tổng số hộ Khmer).

- Riêng Chương trình 135 đã hỗ trợ 29.591 hộ nghèo, hộ dân tộc làm hố xí hợp vệ sinh và di dời chuồng trại, góp phần giảm thiểu đáng kể ô nhiễm môi trường trong vùng đồng bào dân tộc.

1.4. Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 369/QĐHC-CTUBND ngày 31/3/2009 về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tổng số hộ nghèo trong tỉnh được thụ hưởng là 25.338 hộ với tổng mức đầu tư là 516.895.200.000 đồng, đến nay đã cất xong cho 5.733 hộ dân tộc Khmer nghèo đạt 100% kế hoạch. Tính từ năm 2005 đến nay, đã có 38.889 hộ Khmer nghèo được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định 134/2004/QĐ-TTg và 167/2008/QĐ-TTg, chiếm 42,26% tổng số hộ Khmer trong toàn tỉnh, với kinh phí trên 300 tỷ đồng. Chính sách đã góp phần rất lớn trong việc ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc Khmer nghèo.

1.5. Chính sách hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số du canh, du cư đến năm 2012 theo Quyết định 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ, tổng nguồn vốn là 32.595 triệu đồng (trong đó vốn sự nghiệp là 13.024 triệu đồng, vốn đầu tư phát triển 18.311 triệu đồng, vốn lồng ghép 1.260 triệu đồng) với 05 dự án định canh, định cư tập trung và định canh, định cư xen ghép cho 292 hộ và 1.223 khẩu. Năm 2010, Trung ương đã cấp 4 tỷ đồng, hiện đang giao huyện Cù Lao Dung xây dựng dự án thực hiện, với 50 hộ Khmer.

1.6. Chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg và Quyết định 126/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tổng nguồn vốn thực hiện theo Quyết định 32/2007/QĐ-TTg từ năm 2007 đến 2010 là 81.483 triệu đồng, đã phát

vay cho 16.973 hộ dân tộc đặc biệt khó khăn, bình quân mỗi hộ vay 4,83 triệu đồng để phát triển sản xuất, tăng thu nhập.

1.7. Chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo và ngư dân theo Quyết định số 289/QĐ-TTg, ngày 18/3/2008. Kết quả thực hiện đã chi hỗ trợ cho 23.765 hộ nghèo với kinh phí 19.176 tỷ đồng.

1.8. Chính sách trợ giá, trợ cước và chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg. Từ năm 2006 đến 2009, tổng kinh phí hỗ trợ cho chính sách trợ giá, trợ cước là 19.936 triệu đồng, trong đó hỗ trợ tập viết cho 28.075 học sinh nghèo, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi các loại cho trên 5.000 hộ nghèo, hỗ trợ muối I ốt cho 9.797 hộ, hỗ trợ vật tư nông nghiệp cho trên 1.000 hộ.

- Từ năm 2010 đến 2013 thay thế chính sách trợ giá, trợ cước bằng chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg, trong 4 năm tỉnh đã chi 81.849 triệu đồng để hỗ trợ cho 801.515 lượt người nghèo thuộc vùng khó khăn.

1.9. Chính sách khám, chữa bệnh, mua bảo hiểm y tế cho người nghèo: tổng kinh phí (2007 - 2010) là 16.272,469 triệu đồng với 140.402 người thụ hưởng, trong đó có 42.121 người dân tộc Khmer. Từ năm 2011 đến 2013 các hộ nghèo hộ cận nghèo được tỉnh hỗ trợ 100% mua bảo hiểm y tế tự nguyện.

1.10. Chính sách cấp một số loại báo, tạp chí cho vùng dân tộc đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 975/QĐ-TTg, ngày 29/7/2006: đã cấp phát trên 20 loại báo, tạp chí; hàng năm phát trên 487.080 tờ báo, tạp chí cho 92 chùa Khmer, hệ thống các trường, các khóm, ấp, xã, phường, thị trấn có đông đồng bào Khmer sinh sống và một số phòng, ban cấp huyện và sở ngành, góp phần tích cực nâng cao nhận thức chính trị cho cán bộ, đảng viên, sư sãi và đồng bào Khmer.

1.11. Chính sách cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tuyển sinh vào các trường phổ thông dân tộc nội trú: thực hiện Nghị định 134/2006/NĐ-CP ngày 14/01/2006 của Chính phủ, từ năm 2001 đến 2010 tỉnh đã xét cử tuyển 1.139 em vào học các trường đại học, cao đẳng. Đồng thời, hàng năm Trường Dự bị Đại học Dân tộc TP. Hồ Chí Minh đã xét tuyển khoảng 60 chỉ tiêu chủ yếu là học sinh dân tộc Khmer, từ năm 2011 đến 2013 đã xét cử tuyển 283 em vào học các trường đại học, riêng năm 2010 được trường xét 89 em.

- Thực hiện Quyết định số 49/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 25/8/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú. Hàng năm, tỉnh đã tuyển sinh vào các trường Trung học cơ sở Dân tộc nội trú huyện với mỗi trường là 70 chỉ tiêu và Trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú Huỳnh Cương khoảng 200 chỉ tiêu. Đây là những chính sách rất ưu tiên cho học sinh người dân tộc Khmer nhằm tạo nguồn nhân lực cho địa phương.

1.12. Chính sách theo Quyết định 74/2008/QĐ-TTg, ngày 09/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về giải quyết đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho

đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2008 - 2010: kinh phí thực hiện từ năm 2009 đến năm 2011 là 152.454 triệu đồng (trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ 150.000 triệu đồng, ngân sách địa phương 2.454 triệu đồng). Kết quả thực hiện tính đến 30/6/2011 được 83.162 triệu đồng (trong đó ngân sách Trung ương 81.609 triệu đồng đạt 54,41% so với kế hoạch vốn, ngân sách địa phương 553 triệu đồng). Riêng đối với nguồn vốn tín dụng theo Quyết định 74/2008/QĐ-TTg tính đến 30/6/2011 đã phát vay được 96.417 triệu đồng đạt 74,27% so với kế hoạch vốn. Một số địa phương lồng ghép nhiều nguồn vốn nên hiệu quả thực hiện rất cao như: giải quyết đất ở theo Quyết định 74/2007/QĐ-TTg gắn với giải quyết nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg, đồng thời triển khai xây dựng đường giao thông, nước sinh hoạt và làm nhà vệ sinh theo Chương trình 135. Kết quả cụ thể:

- Về hỗ trợ đất ở: đã giải quyết đất ở cho 1.553 hộ, đạt 63,28% so với đề án (2.465 hộ), kinh phí thực hiện 15.553 triệu đồng (trong đó vốn ngân sách địa phương 1.553 triệu đồng).

- Về hỗ trợ đất sản xuất: đã giải quyết đất sản xuất cho 1.433 hộ, đạt 20,09% so với đề án (7.134 hộ), kinh phí thực hiện là 14.330 triệu đồng, vốn vay Ngân hàng Chính sách Xã hội 14.427 triệu đồng (giải ngân cho 1.271 hộ vay, mua 561 ha đất sản xuất).

- Về hỗ trợ đào tạo nghề: đã tổ chức đào tạo nghề được 3.383 lao động, đạt 22,37% so với đề án (15.121 lao động), kinh phí thực hiện 10.149 triệu đồng.

- Về hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề, mua công cụ sản xuất: đã giải quyết hỗ trợ được 14.199 hộ dân tộc thiểu số nghèo chuyển đổi ngành nghề, mua công cụ sản xuất, đạt 57% so với đề án, kinh phí thực hiện 42.597 triệu đồng, vốn vay Ngân hàng Chính sách Xã hội 82.281 triệu đồng (8.896 hộ vay).

Khó khăn, tồn tại: định mức hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất thấp so với giá hiện hành tại địa phương, do đó rất khó khăn cho việc triển khai nên tiến độ thực hiện chậm so với yêu cầu.

2. Kết quả thực hiện các chính sách dự án của địa phương đối với đồng bào dân tộc Khmer:

- Xây dựng lò hỏa táng cải tiến cho 92 chùa trị giá gần 30 tỷ đồng từ nguồn vốn Trung ương và dự án Bảo vệ và phát triển những vùng đất ngập nước ven biển.

- Quyết định số 21/2008/QĐ-UBND, ngày 09/7/2008 của UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định tạm thời về hỗ trợ kinh phí đào tạo và thu hút nhân lực trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (ưu tiên sinh viên dân tộc Khmer, quy định được hỗ trợ 2.000.0000 đồng/sinh viên/năm học).

- Thực hiện chương trình phát triển làng nghề trong vùng đồng bào dân tộc, đã triển khai thí điểm 01 cơ sở làng nghề đan lát tại xã Phú Tân, huyện Châu Thành với tổng kinh phí trên 01 tỷ đồng, làng nghề đã đi vào hoạt động nhưng hiệu quả chưa đạt như mong muốn.

- Dự án Nhà diễn tập Đoàn Nghệ thuật Khmer trị giá 3 tỷ đồng từ ngân sách địa phương.

- Các dự án do các tổ chức quốc tế tài trợ như Dự án giảm nghèo nông thôn và dự án Bảo vệ và phát triển những vùng đất ngập nước ven biển đã góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế cho đồng bào nghèo và vùng dân tộc.

- Thực hiện Dự án kéo điện cho 20.000 hộ, chủ yếu là hộ Khmer nghèo, với kinh phí trên 305 tỷ đồng.

- Dự án phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Sóc Trăng do cơ quan phát triển quốc tế Canada tài trợ, cơ quan chủ quản là UBND tỉnh Sóc Trăng. Mục tiêu của dự án là mở rộng các cơ hội việc làm và phát triển kinh tế cho phụ nữ nghèo, đặc biệt là các hộ Khmer nghèo tỉnh Sóc Trăng, thời gian thực hiện dự án 2010 - 2015, tổng nguồn vốn dự án là 11 triệu đô la Canada.

- Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng mô hình nuôi và chế biến trứng bào xác Artemia tại thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xây dựng mô hình và phổ biến quy trình nuôi Artemia thâm canh trên ruộng muối tại huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng với kinh phí là 781,988 triệu đồng, có 81 hộ dân tộc Khmer tham gia.

- Thực hiện 02 đề tài nghiên cứu tìm hiểu nghệ thuật sân khấu Rôbăm của dân tộc Khmer Nam bộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và nghệ thuật tạo hình của người Khmer ở Sóc Trăng, kinh phí 66,15 triệu đồng. Ngoài ra, được sự tài trợ của Quỹ Đan mạch, tỉnh đã triển khai thực hiện các dự án sưu tầm, bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể của đồng bào Khmer gồm các dự án như: tổ chức truyền dạy nhạc Ngũ âm, truyền dạy nghệ thuật biểu diễn Dù kê, sưu tầm phục dựng lễ Lôi Prô Típ, nghệ thuật điêu khắc hoa văn Khmer,... các dự án đã hoàn thành giúp cho đồng bào dân tộc Khmer có cơ sở bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình, giữ gìn và phát huy, truyền dạy cho các thế hệ sau.

- Dự án hỗ trợ y tế vùng đồng bằng sông Cửu Long tỉnh Sóc Trăng hỗ trợ người dân tộc Khmer thuộc hộ cận nghèo mua thẻ BHYT, có 17.214 hộ với 66.579 người thụ hưởng, kinh phí 24.733.647.540 đồng.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Sóc Trăng đã triển khai 08 dự án về tín dụng, tiết kiệm, phát triển cộng đồng, nước sạch và vệ sinh môi trường, tăng cường bình đẳng giới, giảm thiểu tình trạng buôn bán phụ nữ và trẻ em,... kinh phí thực hiện là 3.953 triệu đồng, có 5.353 hộ phụ nữ dân tộc dân tộc Khmer thụ hưởng. Riêng các ngành như: Mặt trận, Ban Tôn giáo, Công an tỉnh đã thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Về xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc:

Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ làm công tác dân tộc và xây dựng hệ thống chính trị trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục được tỉnh quan tâm thực hiện. Ban Tổ chức Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 07-KH/BTCTU ngày 22/01/2008 về quy hoạch đào tạo và sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc Khmer của tỉnh Sóc Trăng đến năm 2015 và Kế hoạch số 10-KH/BTCTU ngày 20/02/2008 về củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở nơi có đông đồng bào dân tộc, tôn giáo. Tỷ lệ cán bộ người dân tộc tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2010 - 2015 tăng so với nhiệm kỳ trước. Tính đến năm 2012, toàn tỉnh có 4.955/30.459 đảng viên là dân tộc thiểu số (chiếm 16,26% so với tổng số đảng viên trong toàn tỉnh), trong đó có 3.928 đảng viên người Khmer (chiếm 12,89%, tăng 121 đảng viên so với năm 2009), 1.008

đảng viên người Hoa (chiếm 3,30%, tăng 282 đảng viên so với năm 2009), dân tộc khác 19 đảng viên (chiếm tỷ lệ 0,07%). Tổng số đảng viên dân tộc Khmer tham gia vào Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cấp ủy, chức danh chủ chốt các cấp 319 người (trong đó: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh 09 đồng chí, chiếm tỷ lệ 16,36%; Ban Chấp hành Đảng bộ huyện 40 đồng chí, chiếm tỷ lệ 9,52%; Ban Chấp hành Đảng bộ xã 270 đồng chí, chiếm tỷ lệ 11,99%). Tham gia đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016, toàn tỉnh có 666 đại biểu dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 19% (trong đó đại biểu Quốc hội có 02 đại biểu, cấp tỉnh có 14 đại biểu, cấp huyện có 73 đại biểu, cấp xã có 577 đại biểu). Tổng số đảng viên người Hoa tham gia vào các tổ chức đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội là 235 người (trong đó: cấp tỉnh có 44 người, cấp huyện có 65 người, cấp xã có 126 người).

- Thực hiện Nghị định 13/2008/NĐ-CP, Nghị định 14/2008/NĐ-CP và Nghị định số 12/2010/NĐ-CP của Chính phủ, UBND tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 12/01/2011 quy định cơ cấu tổ chức bộ máy Ban Dân tộc tỉnh có 4 đơn vị thuộc Ban (Văn phòng, Thanh tra Ban, Phòng Chính sách, Phòng Tuyên truyền); cấp huyện hiện có 09/11 huyện, thành phố thành lập Phòng Dân tộc (biên chế từ 03 đến 05), còn 02 huyện Cù Lao Dung và Ngã Năm do không đủ tiêu chí nên phân công cán bộ chuyên trách thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân.

4. Về tình hình thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được tiếp cận thông tin đại chúng:

Quy chế dân chủ ở cơ sở tại các xã, phường, thị trấn (theo nội dung của Pháp lệnh 34) tiếp tục được triển khai thực hiện cùng với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của địa phương thông qua các việc như công khai cho dân biết, những việc dân bàn và quyết định, những việc dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định, những việc nhân dân giám sát kiểm tra. Riêng việc thực hiện các chính sách dân tộc và các chương trình dự án đầu tư vùng dân tộc đều được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến tất cả cán bộ và nhân dân trong tỉnh, nhất là những địa bàn xã, ấp thụ hưởng chương trình thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, sinh hoạt các đoàn thể, họp dân, tập huấn nâng cao năng lực, thành lập Ban Giám sát cấp xã,... góp phần huy động người dân và đồng bào dân tộc thiểu số tham gia và giám sát việc thực hiện các chính sách.

- Để tạo điều kiện cho người dân tộc thiểu số được tiếp cận thông tin đại chúng, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh duy trì thời lượng phát sóng chương trình tiếng Khmer (hàng ngày phát thanh 03 buổi, truyền hình 02 buổi) và tiếng Hoa (hàng ngày phát thanh 01 buổi) trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, 03 buổi trên sóng FM. Báo Sóc Trăng Khmer ngữ xuất bản phát hành miễn phí 01 kỳ/tuần, tạp san Khmer 02 kỳ/năm. Chính sách cấp phát một số loại báo, tạp chí theo Quyết định 975 nay là Quyết định 2472/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ với số lượng trên 03 triệu tờ đến các cơ quan, ban, ngành, 92 chùa, hệ thống các trường mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trường Dân tộc nội trú, các khóm, ấp, xã, phường, thị trấn góp phần tích cực nâng cao nhận thức chính trị, nâng tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận thông tin qua các phương tiện nghe nhìn ngày càng

cao. Ngoài ra, tỉnh đã phê duyệt danh sách 284 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2012, tỉnh đã cấp kinh phí trên 245 triệu đồng để thực hiện chính sách này, qua đó xây dựng được lực lượng cốt cán trong đồng bào dân tộc thiểu số góp phần tuyên truyền các chủ trương, chính sách đến đồng bào dân tộc.

V. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TẠI ĐỊA PHƯƠNG VÀ NGUYÊN NHÂN:

1. Những hạn chế, tồn tại:

- Công tác tuyên truyền nâng cao ý thức tự lực, tự cường, thực hành tiết kiệm, đẩy mạnh sản xuất, đề cao ý thức cảnh giác với các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch trong đồng bào dân tộc thiểu số tuy có chuyển biến nhưng chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- Việc thực hiện một số dự án, chính sách còn thiếu đồng bộ, dàn trải, phân tán. Công tác phối hợp thực hiện chính sách của các ngành, các cấp chưa chặt chẽ và thực hiện chế độ báo cáo đánh giá tình hình thực hiện theo định kỳ chưa kịp thời để cơ quan chức năng, xem xét uốn nắn, khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Tốc độ phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc còn chậm, cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn yếu kém, kết quả giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc còn hạn chế. Việc tổ chức thực hiện một số chính sách dân tộc còn chậm, hiệu quả chưa cao, chưa lồng ghép các chương trình dự án để phát huy tối đa nguồn lực đầu tư.

2. Nguyên nhân tồn tại:

- Nguyên nhân khách quan:

+ Tỉnh có nhiều xã thuộc khu vực đặc biệt khó khăn có nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng lớn mà nguồn lực của địa phương còn hạn chế.

+ Do biến động giá cả thị trường và các dịch bệnh trên giống cây trồng và vật nuôi trong thời gian qua diễn ra liên tục đã tác động tiêu cực đến việc triển khai các chính sách giảm nghèo nói chung và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nói riêng.

+ Tổ chức bộ máy cơ quan công tác dân tộc cấp huyện thiếu ổn định do tách nhập, giải thể, thành lập mới nên việc theo dõi, tham mưu thực hiện chính sách dân tộc còn hạn chế.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Các văn bản hướng dẫn liên quan đến chính sách thường chậm, nguồn vốn cấp thiếu đồng bộ làm ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả thực hiện chính sách, thiếu đội ngũ cán bộ kỹ thuật có năng lực và kinh nghiệm quản lý dự án nên quá trình thực hiện gặp nhiều lúng túng.

+ Có nhiều chính sách được triển khai trên địa bàn các xã, ấp đặc biệt khó khăn nhưng kinh phí để quản lý thực hiện chính sách ở cấp cơ sở rất hạn chế.

+ Một bộ phận người dân chưa chí thú làm ăn còn trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước.

VI. KIẾN NGHỊ CỦA ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐẢM BẢO QUYỀN CHO CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN CÁC LĨNH VỰC: CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI TRONG THỜI GIAN TỚI:

Để tiếp tục xây dựng và thực hiện tốt chính sách hiện hành cho vùng đồng bào Khmer phù hợp với tình hình thực tế của địa phương trong các giai đoạn tiếp theo, UBND tỉnh Sóc Trăng có một số kiến nghị đối với Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương như sau:

1. Các nguồn vốn đầu tư và hướng dẫn thực hiện của Trung ương để thực hiện chính sách an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc cần đồng bộ, kịp thời để địa phương có thể lồng ghép nâng cao hiệu quả trong thực hiện chính sách. Ngoài ra, khi ban hành chính sách cần bố trí kinh phí hoạt động cho cán bộ cấp cơ sở, những người trực tiếp thực hiện các chính sách.

2. Đề nghị Chính phủ khi ban hành chính sách an sinh xã hội nói chung và chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng, không nên sử dụng phương thức hỗ trợ cấp phát trực tiếp bằng tiền cho người thụ hưởng nhằm tạo sự chuyên biến về ý thức tự chủ, tự vươn lên của người được thụ hưởng chính sách.

3. Xem xét cấp mã ngành, trang bị dụng cụ và giáo trình và đào tạo giáo viên dạy tiếng Khmer, Hoa ở cấp trung học cơ sở.

4. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo (hoặc Ủy ban Dân tộc) thành lập trường Dự bị Đại học khu vực đồng bằng sông Cửu Long tại tỉnh Sóc Trăng theo khoản 2, Điều 19 của Nghị định 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về công tác dân tộc.

5. Tiếp tục bố trí vốn thực hiện Quyết định 33/2007/QĐ-TTg, ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ đối với tỉnh Sóc Trăng để thực hiện Dự án định canh định cư xã An Thạnh Nam, huyện Cù Lao Dung.

Trên đây là báo cáo tình hình Phật giáo Nam tông Khmer và các chính sách đối với Phật giáo Nam tông Khmer và đồng bào dân tộc Khmer tỉnh Sóc Trăng.

Nơi nhận:

- TT. TU, HĐND;
- Học viện CT-HCQGHCM;
- BCD. TNB;
- Sở Nội vụ;
- Ban Dân tộc;
- Lưu: VX, HC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Quách Việt Tùng